

HIỆN TRẠNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN RẮN LỘ THIÊN TẠI CÁC MỎ QUY MÔ NHỎ Ở VIỆT NAM

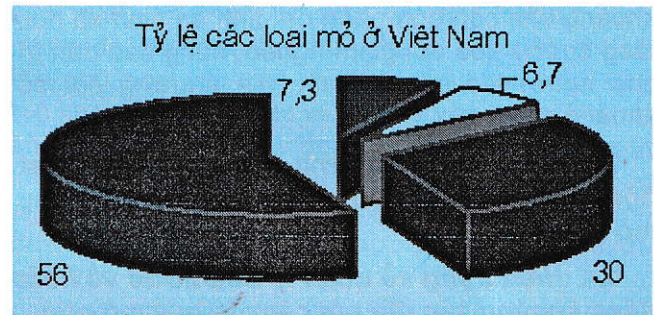
ThS. HOÀNG TUẤN CHUNG
Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Trong công cuộc Công nghiệp hoá-Hiện đại hoá ở nước ta hiện nay, ngành khai khoáng có một vị trí đặc biệt quan trọng. Ngoài dầu thô và khí tự nhiên, các khoáng sản rắn là nhu cầu không thể thiếu cho sự phát triển của các ngành công nghiệp khác trong nền kinh tế quốc dân. Để thúc đẩy tốc độ phát triển nền kinh tế Đất nước trong thời kỳ hội nhập, một trong các nguồn lực hết sức quan trọng là khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm lực Tài nguyên khoáng sản.

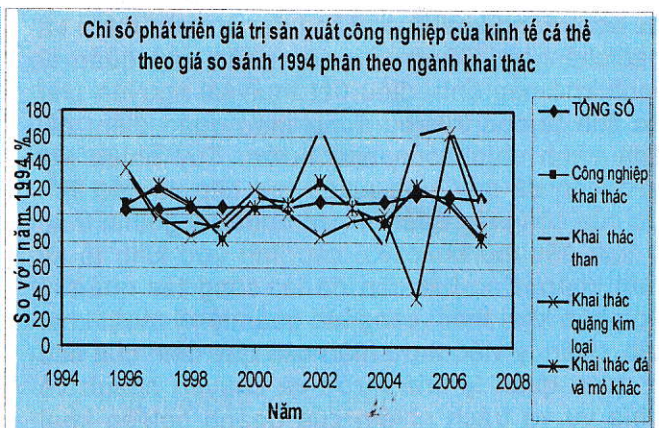
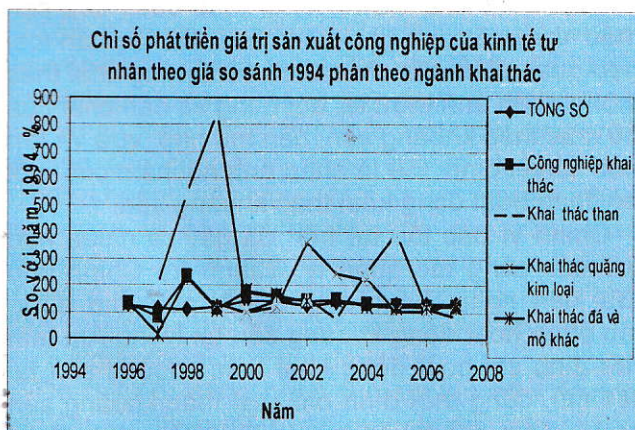
Điều kiện địa chất Việt Nam phức tạp tạo nên một nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng nhưng cũng manh mún. Theo thống kê[1], trên lãnh thổ Việt Nam đã phát hiện được trên 50 trong số 66 loại khoáng sản phổ biến nhất trong vỏ trái đất với khoảng hơn 5000 mỏ và điểm quặng (hình H.1)

Mức độ tăng trưởng bình quân hàng năm của ngành mỏ hiện nay khoảng 25÷30 %. Trong đó, ngành khai thác lộ thiên (KTLT) giữ vai trò quan trọng trong tổng sản lượng khoáng sản rắn khai thác được, cụ thể hiện nay chiếm 100 % đối với

các loại vật liệu xây dựng (VLXD), 97 % đối với quặng, phi quặng và nguyên liệu hoá chất, 60÷65 % đối với than... Nhu cầu về khoáng sản rắn hiện nay là rất lớn, việc huy động trữ lượng phân tán vào khai thác sẽ tận dụng hết khả năng tài nguyên, đáp ứng các yêu cầu về khối lượng cũng như chủng loại khoáng sản của các lĩnh vực kinh tế trong giai đoạn hiện nay; đồng thời mang lại lợi ích kinh tế-xã hội to lớn.



H.1. Biểu đồ tỷ lệ các loại mỏ ở Việt Nam theo phân loại địa chất: mỏ lớn - 7,3 %; mỏ vừa - 6,7 %; mỏ nhỏ - 30 %; điểm mỏ - 56 %.



H.2. Biểu đồ chỉ số phát triển công nghiệp ngành khai thác các năm

1. Vai trò quan trọng của việc khai thác khoáng sản rắn đối với các mỏ quy mô nhỏ

1.1. Góp phần nâng cao sản lượng các loại khoáng sản

Để đáp ứng nhu cầu về các loại khoáng sản cho nền kinh tế, thúc đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế xã hội tại các địa phương và cả nước. Việc khai thác khoáng sản trong những năm vừa qua đã không

ngừng nâng cao sản lượng. Trong đó phải kể tới sự đóng góp quan trọng về sản lượng của các mỏ có quy mô khai thác nhỏ.

1.2. Thúc đẩy tốc độ phát triển kinh tế trong các lĩnh vực công nghiệp

Việc đẩy mạnh khai thác khoáng sản có vai trò quan trọng, góp phần thúc đẩy các hoạt động sản xuất tạo ra của cải vật chất cho xã hội trong thời kỳ phát triển. Chỉ số phát triển của giá trị công nghiệp ngành khai thác kinh tế cá thể, tư nhân [3] như hình H.2.

1.3. Tạo việc làm cho số lượng lớn lao động góp phần ổn định an sinh xã hội

Nhờ mở rộng về quy mô khai thác, số lượng các mỏ khai thác khoáng sản tăng mạnh ở các địa bàn đã tạo ra một khối lượng lớn việc làm cho nhiều lao động tại các địa phương có mỏ, góp phần phát triển kinh tế xã hội và xây dựng cơ sở hạ tầng tại các địa phương, nhất là các vùng sâu, vùng xa kinh tế xã hội có nhiều khó khăn về các tiềm lực phát triển. Các hoạt động khai thác khoáng sản còn góp phần ổn định an sinh xã hội, tăng cường xoá đói giảm nghèo, nâng cao dân trí cho người lao động ở các địa phương có mỏ khoáng sản.

2. Hiện trạng và những bất cập trong hoạt động khoáng sản trên các mỏ lộ thiên có quy mô nhỏ

2.1. Hiện trạng về quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản đối với các mỏ quy mô nhỏ

Từ khi có Luật Khoáng sản (LKS) năm 1996 và Luật sửa đổi của LKS năm 2005 cùng với các văn bản pháp quy dưới luật như Nghị định 160 và Nghị định 07 của Chính phủ[2], công tác quản lý các hoạt động khai thác càng được hoàn thiện và chặt chẽ hơn. Cùng với việc phân cấp quản lý mạnh cho cấp tỉnh, điều tiết thuế tài nguyên cho các tỉnh là chủ trương đúng theo quan điểm cải cách hành chính của nhà nước. Tuy nhiên khi thực hiện đã nảy sinh nhiều bất cập về các lĩnh vực của công tác quản lý các hoạt động khai thác có tính đặc thù khác với các lĩnh vực kinh tế kỹ thuật khác. Các bất cập đó là: công tác quản lý cấp phép khai thác, công tác quản lý kỹ thuật khai thác, quản lý việc thực hiện các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước và chuyên ngành về nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp khai thác mỏ...

❖ Công tác cấp phép khai thác

Cơ sở để các cơ quan quản lý duyệt các thủ tục cấp phép theo quy định của pháp luật tại điều 17 nghị định 160 và các văn bản có liên quan. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện một số quy định

chưa rõ ràng gây lúng túng cho công tác quản lý, đó là quy mô khai thác, năng lực của doanh nghiệp về công nghệ, thiết bị khai thác, đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật cũng như trình độ, kinh nghiệm tổ chức-quản lý trong quá trình khai thác khoáng sản. Theo số liệu thống kê của Bộ Tài nguyên-Môi trường [3] thì từ tháng 10/2005 đến tháng 8/2008, UBND các tỉnh đã tiến hành cấp phép khai thác cho 3.495 doanh nghiệp, trong đó có 2.538 giấy phép khai thác khoáng sản Vật liệu Xây dựng và than bùn. Thủ thuật của các doanh nghiệp là chia nhỏ tài nguyên ra thành nhiều mỏ có quy mô khai thác nhỏ để dễ dàng xin cấp phép, không phải thăm dò, thời gian khai thác ngắn, không phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; thoát khỏi các quy định theo Nghị định 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật Bảo vệ môi trường. Theo quy định của LKS cũng như các văn bản pháp quy về khoáng sản có liên quan khác tuy có nêu những quy định để điều chỉnh các quan hệ có liên quan đến quy mô khai thác mỏ; nhưng chưa có những tiêu chí cụ thể về quy mô khai thác (theo quy định tại Điều 49 của LKS sửa đổi chỉ phân biệt 02 hình thức là khai thác theo quy mô công nghiệp và khai thác tận thu). Điều này đã gây khó khăn cho các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các đơn vị khai thác trong quá trình tổ chức, áp dụng Luật. Mặt khác trong Quyết định số 159/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phân biệt các quy mô khai thác gồm: quy mô lớn, quy mô vừa và nhỏ. Rõ ràng vấn đề phân loại mỏ và quy mô khai thác như đã quy định trong các văn bản luật là chưa rõ ràng, theo cách tiếp cận khác nhau có cách gọi khác nhau. Đó là phân loại theo quan điểm địa chất, theo tiềm năng khai thác không phản ánh thực tại nội dung và bản chất của mỏ khai thác khoáng sản, còn mỏ nhỏ, vừa và lớn theo Quyết định 159 là phản ánh nội hàm của một mỏ đang hoạt động khai thác khoáng sản.

Chính vì các tồn tại trên đã gây ra nhiều hậu quả của công tác quản lý. Thanh tra Chính phủ vừa kiến nghị Thủ tướng Chính phủ tạm dừng cấp phép hoạt động khoáng sản tại Nghệ An, tạm thời đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản tại 241 mỏ, đồng thời đình chỉ khai thác khoáng sản tại 54 điểm mỏ thuộc huyện Quỳnh Hợp [3]. Theo Thanh tra Chính phủ, công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp trên địa bàn Nghệ An có nhiều sai phạm. Thanh tra Chính phủ kiến nghị tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm, có hình thức xử lý đối với cá nhân, tổ chức có liên quan ở

các đơn vị: UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Cục thuế, Cục Hải quan và UBND huyện Quỳnh Hợp, Quỳnh Lưu.

❖ Quản lý việc thực hiện các quy định về kỹ thuật khai thác

Mặc dù đã có nhiều hệ thống văn bản có tính pháp lý và khoa học cao để điều chỉnh các hoạt động trong quá trình tổ chức khai thác khoáng sản như các quy trình, quy phạm kỹ thuật-an toàn khai thác mỏ lộ thiên. Tuy nhiên, qua kết quả thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác mỏ lộ thiên của cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản cho thấy, tình trạng không tuân thủ các quy chuẩn còn phổ biến, đặc biệt các doanh nghiệp nhỏ thuộc địa phương quản lý.

Nhiều đơn vị khai thác không chịu đầu tư thiết bị và công nghệ khai thác phù hợp mà tăng cường sử dụng lao động phổ thông có tính thời vụ nhằm giảm chi phí nhân công, chi phí đào tạo huấn luyện,... Một trong các đặc điểm cơ bản của các mỏ khai thác lộ thiên có quy mô nhỏ là thời gian khai thác ngắn, trữ lượng khoáng sản nhỏ, các doanh nghiệp chưa có kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác do đó dễ bỏ qua các quy định về kỹ thuật khai thác, không mua sắm đầu tư thiết bị khai thác, khai thác không có kế hoạch, không thực hiện và trốn tránh các quy định quản lý và nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách qua các khoản thuế. Các doanh nghiệp trên cùng địa bàn tranh chấp tài nguyên khoáng sản có giá trị, dễ khai thác; bỏ các vị trí có trữ lượng nhỏ và giá trị thấp và tạo nên tình trạng lộn xộn trong quản lý nhà nước, hậu quả là:

❖ Tồn thất lớn tài nguyên

Tồn thất tài nguyên do nhiều nguyên nhân: Nguyên nhân khách quan chủ yếu là do điều kiện địa chất phức tạp, không xác định rõ được ranh giới khai thác, gây tổn thất với các khu vực khoáng sản có giá trị, cùng với đó là tỷ lệ làm nghèo khoáng sản tăng. Mặt khác, nguyên nhân chủ quan là sản phẩm khoáng sau khai thác không được phân loại theo chất lượng, sử dụng không đúng mục đích, hoặc không gia công chế biến,... làm tổn thất về giá trị sản phẩm khoáng.

❖ Nguy cơ tai nạn lao động cao

Do thiết bị công nghệ thô sơ lạc hậu, không nghiêm túc thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành, các thông số công nghệ, không gian khai thác mỏ thay đổi nhanh theo thời gian, khó kiểm soát kỹ thuật và kỹ thuật an toàn. Cùng với đó là ý thức của người sử dụng lao động và người lao động kém trong việc thực hiện các quy định của luật pháp về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Điều kiện lao động, vệ sinh lao động

cũng bị coi nhẹ, các trang thiết bị an toàn và bảo hộ cá nhân thiếu và không đầy đủ. Do đó, trên các mỏ khai thác lộ thiên nhỏ thường tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây tai nạn lao động.

❖ Gây ô nhiễm môi trường lớn

Với thiết bị công nghệ khai thác chế biến lạc hậu, lại chạy theo lợi nhuận, nên các chủ mỏ thường bỏ qua các quy định của pháp luật về môi trường, từ đó gây ra sự tàn phá môi trường nặng nề. Số lượng các mỏ có quy mô nhỏ nhiều, phân tán trên diện rộng, lại thiếu quy hoạch,... Bên cạnh đó, vấn đề quản lý nhà nước bị buông lỏng, khâu thanh kiểm tra yếu kém, dẫn đến gây ô nhiễm trầm trọng nguồn đất, nước, không khí... trên diện rộng.

2.2. Hiện trạng về công nghệ và thiết bị sử dụng trên các mỏ quy mô nhỏ

Theo quy định của LKS, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản phải có đầy đủ các năng lực về công nghệ và thiết bị, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật sản xuất, an toàn và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên do chưa cụ thể hoá thành các tiêu chí cụ thể phù hợp với loại khoáng sản khai thác, quy mô khai thác nên việc vận dụng vào thực tế là rất khó, chỉ mang tính nguyên tắc. Trong kỹ thuật khai thác lộ thiên nói chung việc lựa chọn công nghệ và thiết bị khai thác phụ thuộc và bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: điều kiện địa hình, cấu trúc và đặc điểm địa chất của khoáng sản, giá trị và mục đích sử dụng sản phẩm khoáng sau khi khai thác,... Mặt khác, với quy mô khai thác khác nhau thì việc đầu tư về công nghệ và thiết bị cũng sẽ khác nhau. Trong khi đó thì các quy định của luật pháp về công nghệ và thiết bị sử dụng cho các hoạt động khai thác thiếu tính cụ thể đã gây nên tình trạng các doanh nghiệp khai thác, đặc biệt với các mỏ khai thác quy mô nhỏ sử dụng công nghệ và thiết bị khai thác quá thô sơ, lạc hậu. Đó là một trong các nguyên nhân dẫn đến gây ra mất an toàn lao động, lãng phí tài nguyên, tàn phá môi trường. Cùng với nó, do vốn đầu tư nhỏ nên ràng buộc về trách nhiệm pháp lý thấp, dễ vi phạm các quy định của luật pháp và trốn tránh, thậm chí "bỏ chạy" khi bị pháp luật phát hiện các sai phạm.

3. Kết luận và kiến nghị

Từ hiện trạng hoạt động khai thác các mỏ quy mô nhỏ cho thấy: nguyên nhân cơ bản của các bất cập đều có nguồn gốc cơ bản sau:

❖ Cơ sở và phương pháp phân loại mỏ theo các tiêu chí về quy mô thuộc các lĩnh vực kinh tế kỹ thuật của một mỏ khai thác khoáng sản chưa

(Xem tiếp trang 40)

❖ Không cần dụng phương pháp đo địa hình hiện trạng đáy sông theo định kỳ để báo cáo định kỳ về khối lượng đã khai thác (như hiện nay đang áp dụng giống như đối với loại khoáng sản rắn trên bờ, vì không phản ánh được hiện trạng đáy sông, do địa hình đáy sông thay đổi liên tục dưới tác động của dòng chảy), mà chỉ sử dụng việc này trong quan trắc và giám sát môi trường định kỳ trong quá trình khai thác, nhằm kiểm soát quá trình biến đổi địa hình đáy sông là nguyên nhân cơ bản gây sụt lở bờ sông.

❖ Khẩn trương xây dựng, ban hành các văn bản dưới Luật, để thực hiện việc đấu thầu trong hoạt động thăm dò và khai thác khoáng sản theo khoản 2 điều 13 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khoáng sản và điều 23 nghị định số 07/2009/NĐ-CP ngày 22/01/2009 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005. Theo đó việc xây dựng văn bản quy pháp pháp luật phải đảm bảo được Nhà nước thu các loại thuế và phí trên cơ sở toàn bộ trữ lượng mỏ được cơ quan thẩm quyền phê chuẩn, sau khi đã tính toán huy động vào khai thác, trữ lượng này được thể hiện trong giấy phép khai thác (thu một lần hoặc thu theo sản lượng khai thác hàng năm ghi trong giấy phép), không thu ngân

sách theo số liệu báo cáo của Doanh nghiệp.

❖ Việc khai thác cát lòng sông làm vật liệu san lấp phải qua chế biến (tuyển rửa) để thu hồi một tỷ lệ nhất định khối lượng cát xây dựng nhằm tiết kiệm tài nguyên.

❖ Thay thế công nghệ khai thác bằng bơm hút có công suất lớn bằng công nghệ khai thác truyền thống bằng sáng cạp neo đậu ổn định trên sông, khai thác theo trình tự trong khu vực được cấp phép, nhằm bảo vệ môi trường, hạn chế thấp nhất tới sự sụt lở bờ sông; (do quá trình này diễn ra từ từ không gây xáo động ở đáy sông và kiểm soát được chiều sâu khai thác).□

Người biên tập: Hồ Sỹ Giao

SUMMARY

The paper shows the real state of sand exploitation and marketableness at river in Cửu Long delta in near time. The study results also show the some problems which have been resolved at present.

HIỆN TRẠNG KHAI THÁC...

(Tiếp theo trang 43)

rõ ràng, chưa phản ánh đúng đắn bản chất của công nghệ khai thác lộ thiên với từng loại khoáng sản khác nhau.

❖ Lựa chọn công nghệ và thiết bị khai thác chưa phù hợp với quy mô khai thác, giá trị thu được do hoạt động khai thác mang lại. Mức độ đầu tư (mức độ tiên tiến của công nghệ và thiết bị khai thác) ở mức độ thấp, đã gây ra nhiều hệ lụy do hoạt động khai thác đối với cơ sở hạ tầng, sử dụng tài nguyên, môi trường, an ninh trật tự, an toàn lao động....

Để khắc phục các bất cập nêu trên, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác các mỏ nhỏ, hạn chế các tác động xấu tới môi trường, tiết kiệm tài nguyên,...điểm mấu chốt cơ bản là phải tiến hành phân loại mỏ theo đặc điểm, tính chất và nội dung của một mỏ khai thác khoáng sản, tạo cơ sở cho những quy định pháp luật về quản lý nhà nước, về những ràng buộc công nghệ thiết bị, năng lực vận hành trong hoạt động khoáng sản, đặc biệt đối với các hoạt động khai thác khoáng sản nhỏ lẻ.□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Tuấn Chung. 2009. Nghiên cứu công nghệ khai thác lộ thiên phù hợp với các mỏ nhỏ khai thác đá vật liệu xây dựng ở Việt Nam. Báo cáo tổng

kết đề tài khoa học công nghệ trường đại học Mở-Địa chất. Đề tài hỗ trợ nghiên cứu sinh.

2. Các văn bản pháp quy của Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực hoạt động khoáng sản.

3. Các website: www.moit.gov.vn; www.monre.gov.vn; www.molisa.gov.vn; www.moc.gov.vn.

Người biên tập: Hồ Sỹ Giao

SUMMARY

The paper shows results of assessing the role of open put mining for the solid minerals in Vietnam. The author also analyses defectiveness in mineral mining and suggests some solutions to uplift the efficiency for mining on the small extent.

LỜI HAY - Ý ĐEP

1. Quá khứ đau thương sẽ gieo mầm cho một tương lai tốt đẹp. *V. Christiffo.*

2. Nhân đức làm cho con người đáng yêu trong cuộc sống và đáng nhớ sau khi chết. *Graxian.*

3. Người ta ai cũng giống nhau trong lời nói, duy chỉ có việc làm là khác nhau mà thôi. *Molie.*

VTH. sưu tầm